

Bản án số: 14/2018/HSST

Ngày: 12-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG-TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông: Trần Trung Dũng.

- Bà: Ngô Thị Lai.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Lan - KSV.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

1- Vũ Mạnh C, sinh năm 1988; Sinh trú quán: Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tại phiên tòa bị cáo khai Trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Vũ Đình T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Nhân thân: Ngày 16/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiền sự: Ngày 23/12/2014 bị Công an phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 24/12/2014 bị Công an phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Tiền án: Ngày 15/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2018 sau đó chuyển tạm giam ngày 13/01/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

2- Nguyên đơn dân sự: Đền D - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn D - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình T - Chức vụ: Trưởng Thôn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ - Sinh năm 1949; Chức vụ: Trưởng ban Khánh Thiết, thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

3- Những người có quyền và lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1983. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1952. (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

4- Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Hoàng T - Sinh năm 1986. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hoàng D - Sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Mạnh C, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 12 giờ ngày 10/01/2018 C điều khiển xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072 đi từ nhà đến Đền D, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên phát hiện cửa Đền khóa, không có người trông nom, C đã dùng thanh sắt cạy khóa cửa nhà kho Đền thôn D trộm cắp 16 chiếc ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long. Sau khi điều khiển ra khỏi đền thì bị quần chúng nhân dân xã N và Công an huyện K phát hiện bắt quả tang. Tổng trị giá là 2.560.000 đồng. Trước đó khoảng 12 giờ ngày 09/01/2018 do không có tiền tiêu sai C đã đến Đền thôn D trộm cắp 08 chiếc ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long. Tổng trị giá là 1.280.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 24 chiếc xe ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long có giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 3.840.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Vũ Mạnh C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai nhận tội của bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 16/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 23/12/2012 bị can chấp hành xong hình phạt này. Ngày 31/10/2015 C tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại bản án này Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định thời hạn xóa án tích rút ngắn hơn điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, do vậy lần thực hiện hành vi phạm tội này của C thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 10/01/2018 anh Nguyễn Văn T (là chồng của chị Q) đã giao nộp 08 chiếc ghế nhựa nhãn hiệu Song Long trước đó đã mua của C cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Động. Quá trình điều tra làm rõ chị Q không biết số ghế nêu trên là do C phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

Ngày 17/01/2018 bà Nguyễn Thị T giao nộp 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0014800 mang tên Đặng Văn L cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Động.

- Đối với 24 chiếc ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long là tài sản mà C đã trộm cắp vào trưa ngày 09,10/01/2018 tại Đền D thuộc thôn D, xã N, huyện K. Ngày 19/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động đã trả lại 24 chiếc ghế trên chủ sở hữu.

- Đối với chiếc xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072. Số máy: VHVSG150FMH, số khung YKVPCG0032L001857, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này đăng ký mang tên anh Đặng Văn L ở xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên có số máy: FMG0001857, số khung YKVPCG0032L001857, nhưng số máy không trùng khớp với số máy của đăng ký xe. Theo bà T trình bày chiếc xe mô tô trên là do bà mua lại của bà Nguyễn Thị S ở cùng thôn với bà với giá 1.300.000 đồng và cho C mượn làm phương tiện đi lại, việc C dùng chiếc xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản bà không biết, từ khi mua đến khi xảy ra vụ việc bà không thay đổi

hay sửa chữa kết cấu gì của xe. Theo bà S trình bày chiếc xe mô tô trên là do chồng bà mua cách đây khoảng gần 10 năm, đến năm 2016 chồng bà chết không ai sử dụng nữa nên bà đã bán lại cho bà T với giá 1.300.000 đồng, bà xác định không biết chồng bà mua chiếc xe mô tô trên của ai, ở đâu và từ khi chồng bà chết cho đến khi bà bán lại cho bà T, bà không thay đổi hay sửa chữa kết cấu gì của xe. Theo anh L trình bày chiếc xe mô tô trên anh đã bán cách đây khoảng 10 năm cho một người không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu và từ khi mua xe đến khi bán xe anh cũng không thay đổi hay sửa chữa kết cấu gì của xe.

Ngày 18/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tra cứu số máy: VHVSG150FMH, số khung YKVPCG0032L001857 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên, kết quả không tìm thấy trong giữ liệu tra cứu.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện cho nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Trọng Đ đã nhận lại 24 chiếc ghế và không có đề nghị gì về dân sự. Đối với số tiền 350.000 đồng C bán ghế cho chị Q, chị Quyên tự nguyện cho C và không yêu cầu C phải trả lại số tiền trên cho chị.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn đã thu hồi được trả lại cho chủ sở hữu, đại diện nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Hoàn cảnh gia đình và điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng.

- Đại diện nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Trọng Đ xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn chính xác và phù hợp với diễn biến vụ việc. Về trách nhiệm dân sự ông đã nhận lại tài sản cho Đền D là 24 chiếc ghế nhựa nhãn hiệu Song Long ông tự nguyện không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T xác định: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn chính xác và phù hợp với diễn biến vụ việc, bà T đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho bà chiếc xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0014800 mang tên Đặng Văn L là tài sản của bà do bà không biết bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội, bà tự nguyện không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị Q xác định chị có mua 08 chiếc ghế nhựa của C với số tiền là 350.000 đồng, nhưng chị không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, chị tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên và chị tự nguyện không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số: 14/CT-VKSKĐ-HS ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố bị cáo Vũ Mạnh C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm

tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động, không chịu kiếm tiền bằng con đường chân chính mà lao vào con đường phạm tội để có tiền thỏa mãn những thú vui tầm thường của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Mạnh C về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo: Vũ Mạnh C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo: Vũ Mạnh C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/01/2018.

- Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Tiền truy thu: Truy thu của bị cáo số tiền 350.000 đồng do phạm tội mà có sung công quỹ Nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng:

- + Đề nghị Tòa án trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Văn L.

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 chiếc xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072 là tài sản của bà do bà T không biết C đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

- Đối với 02 chiếc khóa, 01 thanh sắt dài 45 cm, 01 thanh sắt uốn cong, 01 then cài cửa bằng kim loại đều đã cũ. Do không còn giá trị sử dụng đại diện nguyên đơn dân sự ông Đ tự nguyện không nhận lại nên cho tiêu hủy.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2018 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động)

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Động, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người đại diện nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 10/01/2018 tại Đền thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên Vũ Mạnh C đã trộm cắp 16 chiếc ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long. Tổng trị giá là 2.560.000 đồng. Trước đó khoảng 12 giờ ngày 09/01/2018 do không có tiền tiêu sài C đã đến Đền thôn D trộm cắp 08 chiếc ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long. Tổng trị giá là 1.280.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lợi dụng đền không có người trông nom quản lý mất cảnh giác đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo là thanh niên có sức khoẻ nhưng lười lao động, ham chơi bời, không chịu kiếm tiền bằng con đường chân chính mà lao vào con đường phạm tội để có tiền thoả mãn những thú vui tầm thường của mình. Do vậy khi lượng hình hội đồng xét xử cũng cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình, mức độ nghiêm trọng do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để ra một hình phạt phù hợp pháp luật và có tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[3] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, đại diện nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng qui định tại các điểm h, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu ngày 16/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 23/12/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 31/10/2015 bị cáo tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại bản án này Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định thời hạn xóa án tích rút ngắn hơn điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, do vậy lần thực hiện hành vi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015. Trước đó ngày 23/12/2014 bị Công an phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, tiếp đó ngày 24/12/2014 bị Công an phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản (cả hai quyết định trên bị cáo chưa thực hiện xong). Không lấy đó là bài học cho mình để tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, táo tợn, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là đối tượng nghiện chất

ma túy. Trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình, đặc điểm nhân thân của bị cáo, mức độ nghiêm trọng do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tuyên phạt bị cáo một hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản và tự nguyện không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Đối với số tiền 350.000 đồng bị cáo bán ghế cho chị Q, do số tiền không lớn, chị Q tự nguyện cho bị cáo số tiền trên và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

[5] Tiền truy thu: Đối với số tiền 350.000 đồng do bán 08 chiếc ghế nhựa nhãn hiệu Song Long mà bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Đây là số tiền do phạm tội mà có cần phải truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Vật chứng của vụ án:

+ Tòa án trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Văn L.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 chiếc xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072 là tài sản của bà do bà T không biết C đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

- Trả lại cho nguyên đơn dân sự 02 chiếc khóa, 01 thanh sắt dài 45 cm, 01 thanh sắt uốn cong, 01 then cài cửa bằng kim loại đều đã cũ. Do không còn giá trị sử dụng đại diện nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Trọng Đ tự nguyện không nhận lại nên cho tiêu hủy.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2018 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động)

[7] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập không ổn định nên xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Mạnh C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

* **Xử phạt:** Bị cáo Vũ Mạnh C 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/01/2018.

* **Trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.

* **Tiền truy thu:** Truy thu của bị cáo số tiền 350.000 đồng do phạm tội mà có sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền truy thu mà bị cáo không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời giam chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

** Vật chứng:*

+ Tòa án trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Văn L.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 chiếc xe mô tô Dream II, BKS 89F5 - 8072.

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc khóa, 01 thanh sắt dài 45 cm, 01 thanh sắt uốn cong, 01 then cài cửa bằng kim loại đều đã cũ.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2018 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động)

** Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

** Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

** Quyền kháng cáo:* Bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh;
- VKS - CA - THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Lũng